THỰC TRẠNG QUẢN LÍ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG SĨ QUAN TĂNG THIẾT GIÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

NGÔ QUANG THẮNG*

Ngày nhận bài: 05/12/2016; ngày sửa chữa: 08/12/2016; ngày duyệt đăng: 09/12/2016.

Abstract: *The article analyses situation of learning management of students at Military College of Tank and Armour Officer and points out reasons of shortcomings. This analysis lays the foundations for managers to find out solutions to improve quality of learning at the College to meet requirements of education reform.*

Keywords*: Situation, learning, management, students, Military College of Tank and Armour Officer.*

1. Đặt vấn đề

Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp thuộc Binh chủng Tăng thiết giáp, Bộ Quốc phòng Việt Nam. Năm 1998, Trường được Bộ GD-ĐT công nhận là trường đại học quân sự chuyên ngành chỉ huy tăng thiết giáp. Nhà trường đã và đang từng bước thực hiện đổi mới GD-ĐT theo tinh thần của *Nghị quyết số 29-NQ/TW* Ban Chấp hành Trung ương, đặc biệt là công tác quản lí hoạt động học tập (HĐHT) của sinh viên (SV). Tuy nhiên, quá trình tổ chức còn gặp nhiều khó khăn, bộc lộ những hạn chế cũng như chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện các biện pháp quản lí HĐHT của SV Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp để từ đó đưa ra những biện pháp quản lí nhằm nâng cao hiệu quả HĐHT của SV, góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT của Nhà trường đáp ứng được những đổi mới là một vấn đề cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận về quản lí HĐHT của SV*. HĐHT* là một bộ phận của hoạt động dạy - học nên quản lí HĐHT mang đầy đủ các đặc điểm, chức năng, tính chất của hoạt động quản lí nhà trường nói chung và quản lí hoạt động dạy học nói riêng như chủ thể, đối tượng quản lí, nội dung quản lí, phương pháp quản lí, phương tiện quản lí,... Vì vậy, *HĐHT của SV* là sự chiếm lĩnh kinh nghiệm của nhân loại dưới ảnh hưởng của những tác động dạy.

Quản lí HĐHT của SV là những tác động có ý thức của chủ thể quản lí đến học viên và *HĐHT của SV* nhằm đạt được các mục tiêu dạy học của nhà trường. Chủ thể quản lí HĐHT của SV bao gồm nhiều bộ phận theo quan hệ "dọc" và "ngang", đó là: Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị, Phòng Tham mưu, Khoa giáo viên, Tổ bộ môn, giảng viên (GV) trực tiếp giảng dạy, cán bộ quản lí (CBQL) SV, Đoàn Thanh niên và cán bộ các lớp... Mỗi bộ phận, thành viên của hệ thống tổ chức quản lí này đảm nhận những vai trò, vị trí khác nhau.

Nội dung quản lí HĐHT của SV bao gồm: Quản lí mục tiêu, nhiệm vụ học tập; quản lí nội dung học tập; quản lí phương pháp học tập; quản lí xây dựng kế hoạch học tập; quản lí hình thức tổ chức học tập; quản lí thời gian học tập; quản lí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; quản lí các điều kiện phục vụ hoạt động học tập.

2.2. Thực trạng quản lí HĐHT của SV Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp. Chúng tôi thực hiện thăm dò trên 7 nội dung quản lí hoạt động học tập của SV, mỗi nội dung được thăm dò trên 2 bình diện: *mức độ thực hiện* và *mức độ tác động đến kết quả học tập*. Thang điểm để đo các mức độ này như sau: *Không thực hiện (Không tác động)*: 1 điểm; *Không thường xuyên (Tác động ít):* 2 điểm; *Thường xuyên (Tác động nhiều)*: 3 điểm; *Rất thường xuyên (Tác động rất nhiều):* 4 điểm. Điểm này được quy về 04 mức độ: *Mức 4* (3,5-4,0 điểm) ứng với mức độ tác động, mức độ ảnh hưởng rất nhiều, tác động tốt hoặc mức độ sử dụng rất thường xuyên, thực hiện thường xuyên; *Mức 3* (2,5-3,4 điểm) ứng với mức độ tác động, mức độ ảnh hưởng nhiều, tác động khá hoặc mức độ sử dụng thường xuyên, thực hiện thường xuyên; *Mức 2* (1,5-2,4 điểm) ứng với mức độ tác động, mức độ ảnh hưởng ít, tác động trung bình hoặc mức độ sử dụng ít thường xuyên, thực hiện ít thường xuyên; *Mức 1* (1,0-1,4 điểm) ứng với không ảnh hưởng, tác động yếu hoặc không sử dụng, không thực hiện.

*** Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp**

Phương pháp nghiên cứu là: Sử dụng phiếu thăm dò kết hợp với trao đổi, phỏng vấn trực tiếp CBQL, GV, SV trong nhà trường.

Đối tượng nghiên cứu: 200 SV (159 SV năm thứ nhất và 41 SV năm thứ hai); 86 GV và 64 CBQL Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp. Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 6/2016. Kết quả thu được như sau:

2.2.1. Quản lí mục tiêu, nhiệm vụ học tập (bảng 1):

Bảng 1. Kết quả quản lí mục tiêu, nhiệm vụ học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện ($\bar{x}$)		Tác động đến kết quả học tập ($\bar{x}$)	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo SV trong kế hoạch đào tạo khóa học, năm học	3,41	3,27	3,46	3,26
2. Xác định và thống nhất mục tiêu nhiệm vụ môn học từng học kì, năm học	3,36	3,17	3,65	3,13
3. Quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ học tập đến từng SV từ đầu khóa học, năm học, môn học	3,55	3,21	3,49	3,15
4. Tạo điều kiên thuân lợi cho GV, SV thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập	3,34	2,97	3,40	2,97
5. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện dạy học để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập của SV	2,96	2,84	3,03	2,86
6. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập của SV	3,30	2,97	3,15	3,03
7. Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập của SV	3,51	2,98	3,61	3,01
8. Phối hợp giữa cơ quan, khoa giáo viên, GV và SV trong việc tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập cho SV	3,49	2,86	2,97	2,94
$\bar{x}$ *chung*	3,37	3,03	3,34	3,04

Bảng 1 cho thấy, SV, GV và CBQL đều đánh giá cao về mức độ thực hiện và tác động của từng biện pháp đối với kết quả học tập; điểm trung bình chung khảo sát ở cả 2 nhóm đối tượng, trên cả 2 bình diện đều ở *mức 3*; như vậy, việc thực hiện các biện pháp quản lí mục tiêu, nhiệm vụ học tập là thường xuyên đến rất thường xuyên; đồng thời có tác động nhiều và rất nhiều đến kết quả học tập của SV. Giữa các biện pháp có mức độ thực hiện và tác động đến kết quả học tập khác nhau. Đối với từng biện pháp, ở cả hai bình diện, SV đều đánh giá cao hơn CBQL và GV, đó là vì: SV là người thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập sau khi được các cấp quản lí xác định, phổ biến, quán triệt, giao nhiệm vụ và chịu sự kiểm tra của các cấp quản lí, còn GV và CBQL là người xác định mục tiêu, nhiệm vụ học tập và tổ chức phổ biến quán triệt cho SV nên sự khác nhau này là hoàn toàn hợp lí, thể hiện sự khác nhau về vai trò giữa chủ thể và đối tượng quản lí.

2.2.2. Quản lí nội dung học tập (bảng 2):

Bảng 2. Kết quả quản lí nội dung học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện ($\bar{x}$)		Tác động đến kết quả học tập ($\bar{x}$)	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Lập kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu để cụ thể hóa nội dung, địa điểm học tập của từng đối tượng	3,66	3,26	3,53	3,30
2. Yêu cầu mỗi SV có kế hoạch học tập trên cơ sở kế hoạch học tập chung của nhà trường và nhiệm vụ học tập của bản thân	3,07	2,70	3,34	2,77
3. Giao nhiệm vụ và hướng dẫn nội dung học tập cho SV phù hợp với khả năng và điều kiện thời gian của SV	2,90	2,81	3,21	2,81
4. Thường xuyên kiểm tra việc dạy của GV và học tập của SV	3,31	3,13	3,43	3,18
5. Phối hợp giữa GV - CBQL - SV để quản lí nội dung học tập của SV	2,98	2,79	3,20	2,84
$\bar{x}$ *chung*	3,18	2,94	3,34	2,98

Bảng 2 cho thấy: điểm trung bình của các biện pháp ở cả hai bình diện và đối tượng đều ở *mức 3*; cả hai nhóm đối tượng được khảo sát đều cho rằng, *biện pháp 1* được thực hiện rất thường xuyên và có tác động đến kết quả học tập nhất (*mức 3* và *4*); nhìn chung các biện pháp nhằm quản lí nội dung học tập được SV nhận thức rõ ràng, họ đều cho rằng việc *cụ thể hóa* nội dung học tập cho từng đối tượng sẽ tác động lớn đến kết quả học tập; GV và CBQL đề cao việc tự lập kế hoạch học tập cá nhân của mỗi SV nhưng đây là biện pháp được thực hiện ít thường xuyên hơn và tác động đến kết quả học tập còn hạn chế; song, SV thì cho rằng việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn nội dung học tập phù hợp với khả năng và điều kiện thời gian của SV được các cấp quản lí thực hiện ít thường xuyên và tác động đến kết quả học tập còn ít hơn. Qua đó khẳng định, việc giao nội dung học tập và hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch tự học được các cấp quản lí nhà trường thực hiện chưa thường xuyên và còn nhiều hạn chế, do đó khi lập kế hoạch tự học, SV còn gặp khó khăn và sợ không khả thi.

2.2.3. Quản lí phương pháp học tập (bảng 3 trang bên*):*

Bảng 3 cho thấy, tất cả các biện pháp đều được thực hiện và mức độ tác động ở *mức 3*, trong đó *biện pháp 5* được các SV đánh giá là các cấp quản lí thực

Bảng 3. Kết quả quản lí phương pháp học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện ($\bar{X}$)		Tác động đến kết quả học tập ($\bar{X}$)	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Hướng dẫn các phương pháp học tập môn học cụ thể cho SV	2,91	3,04	3,06	3,06
2. Tổ chức SV vận dụng các phương pháp học tập	2,93	2,76	3,00	2,86
3. Tổ chức các buổi trao đổi, rút kinh nghiệm về lựa chọn và sử dụng phương pháp học tập của SV	3,02	2,53	3,09	2,62
4. Bồi dưỡng phương pháp tự học tích cực cho SV	2,91	2,46	3,10	2,63
5. Đổi mới phương pháp dạy của GV theo hướng tích cực	3,15	2,77	3,23	2,81
$\bar{X}$ *chung*	2,98	2,71	3,09	2,80

hiện thường xuyên nhất (3,15 điểm) và tác động đến kết quả học tập là cao nhất (3,23 điểm); *biện pháp 1* được thực hiện một cách thường xuyên và có tác động cao nhất từ việc quản lí phương pháp học tập tới kết quả học tập (3,04 và 3,06 điểm); cả GV, CBQL và SV đều cho rằng, biện pháp 4 ít được các cấp quản lí thực hiện thường xuyên (2,91 và 2,46 điểm).

Qua trao đổi, phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy: việc hướng dẫn các phương pháp học tập môn học cụ thể cho SV được các GV thực hiện thường xuyên nhưng chủ yếu là các phương pháp thuyết trình, thông báo; các phương pháp học tập tích cực như phương pháp trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm ít được GV hướng dẫn; việc tổ chức cho SV vận dụng các phương pháp học tập cũng ít được GV quan tâm, chú ý; qua kiểm tra hồ sơ và dự giờ GV, chúng tôi

Bảng 4. Kết quả quản lí hình thức tổ chức học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện ($\bar{X}$)		Tác động đến kết quả học tập ($\bar{X}$)	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Hoạt động học tập chính khóa trên lớp	3,51	2,29	3,56	3,25
2. Hoạt động thực hành, thực tập tại trường	3,26	3,16	3,46	3,18
3. Hoạt động thực hành, thực tập tại các đơn vị	2,99	2,89	2,99	2,95
4. Hoạt động tự học tại giảng đường	3,16	2,91	3,09	2,89
5. Hoạt động tự học tại thư viện, ở nhà và các hình thức học tập khác	2,59	2,31	2,60	2,41
6. Hoạt động tham quan, diễn tập, dã ngoại quân sự đến học tập	2,45	2,23	2,43	2,33
$\bar{X}$ *chung*	2,99	2,63	3,02	2,84

thấy có nhiều GV từ đầu đến cuối môn học chỉ sử dụng phương pháp thuyết trình; việc tham gia các buổi rút kinh nghiệm học tập do tiểu đoàn quản lí SV tổ chức cũng ít được GV hưởng ứng, hiệu quả từ hoạt động này chưa cao...

*2.2.4. Quản lí hình thức tổ chức học tập (*xem *bảng 4).*

Bảng 4 cho thấy, trung bình chung các biện pháp được đánh giá *ở mức 3* trên cả hai bình diện, trong đó *biện pháp 1* được SV đánh giá là thực hiện thường xuyên nhất (3,52 điểm) và tác động nhiều nhất đến kết quả học tập của SV (3,56 điểm); *biện pháp 2* được CBQL và GV đánh giá là thực hiện thường xuyên nhất (3,16 điểm), nhưng mức độ tác động của biện pháp này chỉ đứng ở vị trí thứ hai (3,18 điểm); *biện pháp 6* là biện pháp được CBQL, GV và SV đánh giá thấp nhất trên cả hai bình diện (đều *ở mức 2*). Qua đó khẳng định, việc quản lí các hình thức tổ chức học tập của SV tại Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp chưa toàn diện và đầy đủ, chỉ coi trọng quản lí hình thức học tập trên lớp, thực hành thực tập ở trường, ít quan tâm đến các hình thức tổ chức học tập như: thực hành, thực tập tại các đơn vị; tự học tại thư viện, nhà ở; hoạt động tham quan, diễn tập, dã ngoại quân sự. Vì vậy, kết quả học tập của SV từ các hình thức tổ chức học tập này chưa cao.

2.2.5. Quản lí thời gian học tập (bảng 5):

Bảng 5. Kết quả quản lí thời gian học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Mức độ thực hiện ($\bar{X}$)		Tác động đến kết quả học tập ($\bar{X}$)	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập cụ thể, rõ ràng	3,14	2,71	3,15	2,67
2. Giám sát thời gian biểu trong ngày, bảo đảm "giờ nào, việc ấy" của SV	3,01	2,91	2,90	2,79
3. Tạo điều kiện để SV có thời gian học tập và sử dụng thời gian một cách linh hoạt, hiệu quả	3,13	2,95	3,09	2,87
4. Quy định nội quy, nền nếp học tập, thực hiện chính quy hóa hoạt động học tập	3,28	3,13	3,62	3,15
$\bar{X}$ *chung*	3,14	2,93	3,19	2,87

Bảng 5 cho thấy, trung bình chung các biện pháp được đánh giá *ở mức 3* trên cả hai bình diện, trong đó, *biện pháp 4* được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên nhất và tác động mạnh nhất đến quả học tập của SV; điều này hoàn toàn phù hợp vì đây là nét đặc thù của nhà trường quân đội (trong nhà trường quân đội, mọi hoạt động của SV, trong đó có hoạt động học tập được quy định cụ thể

và là một trong 5 nội dung xây dựng nhà trường, đơn vị chính quy). *Biện pháp 2* được đánh giá là thực hiện ít thường xuyên nhất và tác động đến kết quả học tập từ hoạt động này là ít nhất.

2.2.6. Quản lí việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (bảng 6):

Bảng 6. Kết quả quản lí việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện		Tác động đến kết quả học tập	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV cụ thể, chi tiết	3,43	3,25	3,32	3,21
2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, toàn diện, hệ thống	3,34	3,04	3,21	3,01
3. Chỉ đạo chặt chẽ, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, khoa giáo viên để tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	3,26	2,95	3,16	2,92
4. Thực hiện thanh, kiểm tra công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	3,18	2,92	3,15	2,89
chung	3,30	3,04	3,21	3,01

Bảng 6 cho thấy, trung bình chung các biện pháp được đánh giá *ở mức 3* trên cả hai bình diện, trong đó *biện pháp 1* được cả CBQL, GV và SV đánh giá là có mức độ thực hiện thường xuyên nhất (3,43 và 3,25 điểm) và tác động đến kết quả học tập là mạnh nhất (3,32 và 3,21 điểm); *biện pháp 4* được tất cả đối tượng khảo sát đánh giá là thấp nhất trên cả hai bình diện; các biện pháp khác hầu hết đều được đánh giá trên 3 điểm. Qua đó khẳng định, sự chặt chẽ, thống nhất giữa việc chỉ đạo của Ban Giám hiệu nhà trường, sự phối hợp giữa Phòng Đào tạo, các khoa giáo viên, tiểu đoàn quản lí SV và chính bản thân SV trong kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện cũng như kiểm tra, chấn chỉnh trong quá trình thực hiện.

2.2.7. Quản lí việc bảo đảm các điều kiện hỗ trợ hoạt động học tập (bảng 7):

Bảng 7 cho thấy: điểm trung bình cho cho tất cả các biện pháp trên cả hai phương diện và đối tượng khảo sát đều *ở mức 3*; về mức độ thực hiện, SV đánh giá *biện pháp 4* là thường xuyên nhất (3,25 điểm), trong khi CBQL và GV lại đánh giá *biện pháp 3* là thường xuyên nhất (2,91 điểm); về mức độ tác

Bảng 7. Kết quả quản lí bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động học tập

Biện pháp quản lí \ Mức độ	Thực hiện		Tác động đến kết quả học tập	
	SV	CBQL, GV	SV	CBQL, GV
1. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong cơ cấu tổ chức, thực hiện sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả để quản lí HĐHT	3,21	2,85	3,27	2,89
2. Bảo đảm cơ sở vật chất, thời gian, phương tiện dạy - học để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập	2,95	2,73	2,95	2,75
3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện điều chỉnh HĐHT, nêu cao tinh thần tự giác của tập thể SV trong HĐHT	3,20	2,91	3,29	2,85
4. Quản lí chặt chẽ việc đầu tư, bổ sung, sửa chữa, bảo quản, sử dụng phương tiện, vật chất phục vụ học tập	3,25	2,83	3,10	2,81
5. Xây dựng môi trường, phong trào thi đua học tập, tăng cường sự phối hợp toàn diện giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội	2,80	2,69	2,89	2,70
chung	3,08	2,80	3,10	2,80

động đến kết quả học tập, SV đánh giá *biện pháp 3* tác động nhiều nhất (3,29 điểm) và *biện pháp 5* tác động ít nhất (2,89 điểm), trong khi CBQL và GV lại đánh *biện pháp 1* tác động nhiều nhất (2,89 điểm) và *biện pháp 5* tác động ít nhất (2,70 điểm); nhìn chung, trên cả hai bình diện, SV đều đánh giá ở mức cao hơn CBQL và GV (3,08 và 3,10 so với 2,80). Tìm hiểu thêm qua trao đổi, phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy, việc bảo đảm các điều kiện hỗ trợ HĐHT cho SV được thực hiện tương đối tốt ở yếu tố bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ học tập, còn các yếu tố về mặt tinh thần, môi trường học tập như tổ chức các hoạt động thi đua, sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội để tạo điều kiện cho SV học tập còn hạn chế.

* * *

Trên cơ sở thực trạng, chúng tôi đã tiến hành thăm dò đối tượng khảo sát và đưa ra các nguyên nhân hạn chế của công tác quản lí. Kết quả thu được như sau: "Thiếu cơ sở vật chất, vũ khí, trang thiết bị... phục vụ giảng dạy và học tập" là nguyên nhân chính và tác động lớn nhất đến kết quả học tập của SV; sau đó là "Sinh viên thiếu tính tích cực, tự giác trong học tập" và "Chương trình đào tạo còn nặng về lí thuyết, ít thực hành"... Từ kết quả nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân của thực trạng cho thấy, cần phải có các biện pháp nhằm nâng cao

(Xem tiếp trang 20)

các lớp, hiệu trưởng cần phải tổ chức quán triệt các thông tư này tới từng GV, từng tổ chuyên môn để họ thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc ĐG, ghi điểm, ghi nhận xét trong hồ sơ của HS. Do vậy, ngay từ đầu năm học, các nhà trường cần đưa ra quy chế nhất định nhằm quy định trách nhiệm của từng cán bộ, GV đối với việc ĐG HS đúng quy định do Bộ GD-ĐT quy định. Hiệu trưởng cần tích cực phối hợp với tổ chuyên môn của Phòng GD-ĐT quận Đống Đa tổ chức những lớp tập huấn, hướng dẫn, chỉ đạo GV trong trường về những kinh nghiệm tổ chức kiểm tra, ĐG nghiêm túc, phản ánh đúng kết quả học tập của HS.

Chẳng hạn, hiện nay đang tập trung vào việc ĐG quá trình học tập, ĐG sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình phổ thông cấp tiểu học; ĐG sự hình thành và phát triển một số năng lực của HS. Khâu ghi nhận xét cho HS là khâu quan trọng cần đảm bảo được tính khách quan, chính xác, khích lệ, biểu dương khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ của HS, giúp HS tự tin vươn lên trong học tập.

- Biện pháp 2. Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về công tác ĐG năng lực, phẩm chất HS; từ đó các tổ bộ môn thống nhất kế hoạch, nội dung, mục tiêu, cách thức ĐG cho toàn năm học, mỗi cấp học. Từ các bản kế hoạch của mỗi tổ bộ môn, bộ phận, hiệu trưởng hoặc hiệu phó sẽ tổng hợp, rà soát để có kế hoạch công tác ĐG, trong kế hoạch tổng thể năm học. Từ đó, hiệu trưởng cần yêu cầu phó hiệu trưởng, khối trưởng, GV nắm chắc phân phối chương trình, kế hoạch dạy học, kế hoạch kiểm tra theo định kì cũng như các quy định về ĐG HS của Bộ GD-ĐT, các văn bản hướng dẫn về ĐG HS của Sở GD-ĐT Hà Nội, của Phòng GD-ĐT quận Đống Đa. Tất cả GV đều phải có phân phối chương trình, các văn bản hướng dẫn về ĐG HS tiểu học của Bộ GD-ĐT, của Sở GD-ĐT Hà Nội, của Phòng GD-ĐT quận Đống Đa.

- Biện pháp 3. Hiệu trưởng các nhà trường tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng QL hoạt động ĐG kết quả học tập của HS: +) QL chặt chẽ theo hệ thống việc ĐG kết quả học tập của HS (kiểm tra sổ sách, kiểm tra trực tiếp, giám sát thực hiện); +) Tăng cường trách nhiệm của mỗi GV trong hoạt động ĐG HS theo đúng quy trình; +) Đảm bảo cho việc thực hiện công tác kiểm tra, ĐG phải đúng, đủ, khách quan, thực chất; +) Đây là hoạt động quan trọng để nhà QL có định hướng chỉ đạo chuyên môn đối với GV nhằm điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học trong nhà trường, phù hợp với các hình thức ĐG mới.

3. Kết luận và kiến nghị

QL công tác kiểm tra, ĐG kết quả học tập của HS tại các trường tiểu học có một ý nghĩa quan trọng trong việc QL chất lượng giáo dục của nhà trường tiểu học. Để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, ĐG kết quả học tập của HS trong các trường tiểu học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, chúng tôi đã triển khai thực hiện đồng bộ các nhóm biện pháp trên và thu nhận thấy được những chuyển biến tích cực, kết quả bước đầu. Trong quá trình thực hiện, các nhóm biện pháp cần phải được vận dụng linh hoạt, phù hợp với các nhiệm vụ khác nữa của mỗi nhà trường, mỗi phòng, sở GD-ĐT. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thế Ngữ (1998). *Những vấn đề cốt yếu của quản lí (tập 1)*. NXB Giáo dục.

[2] Trần Kiều (2011). *Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Nguyễn Đức Minh (2015). *Đổi mới đánh giá kết quả giáo dục học sinh tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GD-ĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học*.

[5] Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD-ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng GD-ĐT*.

Thực trạng và biện pháp quản lí hoạt động...

(Tiếp theo trang 42)

chất lượng của hoạt động học tập đáp ứng với những đòi hỏi đổi mới trong GD-ĐT.❑

Tài liệu tham khảo

[1] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 về "Đổi mới quản lí giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012"*.

[2] Bộ GD-ĐT (2010). *Đổi mới quản lí hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Hoàng Anh - Đỗ Thị Châu (2008). *Tự học của sinh viên*. NXB Giáo dục.

[4] Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2006). *Quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.